

Số: 20 /QĐ-BVYDCT

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của Bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh Vĩnh Long

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3131a/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc thành lập Bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 5783/QĐ-SYT ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Sở Y tế Vĩnh Long về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 3672/QĐ-SYT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Sở Y tế Vĩnh Long về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế toán bệnh viện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của Bệnh viện Y Dược cổ truyền tỉnh Vĩnh Long (đính kèm biểu số 02).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng TCCB-HCQT, Phòng Tài chính - kế toán và các khoa phòng thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Các khoa, phòng bệnh viện;
- Lưu :VT, KT.



Huỳnh Văn Hải

Đơn vị: BỆNH VIỆN Y DƯỢC CỔ TRUYỀN TỈNH VĨNH LONG
Chương: 423

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số .20.../QĐ-BVYDCT ngày .04./01/2022 của Bệnh viện
Y Dược cổ truyền tỉnh Vĩnh Long)

Đvt: ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	21.000.000
1	Số thu phí, lệ phí	21.000.000
1.1	Thu dịch vụ khám, chữa bệnh	21.000.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	21.000.000
2.1	Chi sự nghiệp chuyên môn	21.000.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.800.000
b	Bổ sung chi thường xuyên	4.200.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.854.619
2	Nghiên cứu khoa học (100-103)	0
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình (130-132)	5.854.619
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.574.619
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	280.000
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (250-262)	0
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0

Ghi chú:

- Giường bệnh kế hoạch: 100 giường.
- Biên chế giao: Biên chế 97; Hợp đồng 68: 04
- Định mức kinh phí hoạt động chi TX: theo qui định tại NQ 09/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021.
- Kinh phí khen thưởng theo NĐ 91/2017/NĐ-CP.
- Tiền lương theo NĐ 38/2019/NĐ-CP mức lương tối thiểu: 1.490 ngàn đồng/HS
- HS phụ cấp cấp ủy theo theo QĐ số 99/QĐ-TW; TVCQ: theo NĐ 72/2020/NĐ-CP.
- Kinh phí không thực hiện tự chủ: (đã trừ TK 10%): 280.000 đồng.
- Bảo hiểm cháy nổ: 50 triệu.
- Hỗ trợ tiền ăn, tiền viện phí người nghèo theo QĐ 729/QĐ-UBT đồng: 30 triệu.
- Thuê phần mềm quản lý thông tin bệnh viện: 150 triệu.
- Kinh phí hoạt động chương trình PHCN lồng ghép 50 triệu.
- Các hoạt động chuyên môn khác không thuộc nguồn NS cấp: sử dụng nguồn thu dịch vụ khám, chữa bệnh, nguồn thu dịch vụ khác,....